**Thủ tục gia hạn nợ đối với khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp**

**a) Trình tự thực hiện**

**Bước 1*.*** Khách hàng

Khi có nhu cầu gia hạn nợ, trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, khách hàng lập Giấy đề nghị gia hạn nợ *(mẫu số 09B/TD*) gửi NHCSXH nơi cho vay.

**Bước 2.** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của Giấy đề nghị gia hạn nợ, kiểm tra thực tế nguyên nhân chưa trả được nợ của khách hàng.

- Trường hợp khách hàng đủ điều kiện gia hạn nợ: Lập Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (*mẫu số 09.1/TD*) gửi cho khách hàng lưu giữ.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện gia hạn nợ: Lập Thông báo danh sách khách hàng không được gia hạn nợ (*mẫu số 09.2/TD*) gửi cho khách hàng lưu giữ.

**b) Cách thức thực hiện:** Khách hàng nộp Giấy đề nghị gia hạn nợ (*mẫu số 09B/TD*) cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:** Giấy đề nghị gia hạn nợ *(mẫu số 09B/TD*): 01 bản chính *(lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);*

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn nợ từ khách hàng.

**e) Đối tượng thực hiện:** Khách hàng vay vốn NHCSXH theo phương thức cho vay trực tiếp*.*

**g)** **Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**h) Kết quả thực hiện:**

- Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ (*mẫu số 09.1/TD*);

- Thông báo danh sách khách hàng không được gia hạn nợ (*mẫu số 09.2/TD*).

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:** Giấy đề nghị gia hạn nợ *(mẫu số 09B/TD*).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Khách hàng thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định, sử dụng vốn vay đúng mục đích;

- Khách hàng gặp khó khăn về tài chính do nguyên nhân khách quan dẫn đến khách hàng chưa trả được nợ theo thời hạn đã cam kết và có nhu cầu gia hạn nợ.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

- Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Khoản 2 Điều 14 Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH.

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 15/9/2023 của Hội đồng quản trị NHCSXH Ban hành Quy định gia hạn nợ trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 7441/NHCS-TDNN ngày 15/9/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc ủy quyền gia hạn nợ;

- Văn bản số 7442/NHCS-TDNN ngày 15/9/2023 của Tổng Giám đốc về việc thực hiện gia hạn nợ trong hệ thống NHCSXH theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT.